

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8.31.01.05

THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Thái Nguyên, 2022

Mục lục	Trang
1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	...
1.1. Triết lý giáo dục của Trường	...
1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường	...
1.3. Mục tiêu của Trường	...
1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	...
1.5. Giới thiệu về Khoa	...
2. Giới thiệu chương trình đào tạo	...
2.1. Thông tin chung	...
2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	...
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	...
3.1. Mục tiêu chung	...
3.2. Mục tiêu cụ thể	...
4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	...
4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	...
4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu Chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường	...
5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh	...
6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	...
6.1. Quá trình đào tạo	...
6.2. Điều kiện tốt nghiệp	...
7. Chương trình dạy học	...
7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy	...
7.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	...
7.3. Mô tả các học phần trong chương trình dạy học	...
8. Phương pháp giảng dạy – học tập	...
9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm	...
9.1. Phương pháp đánh giá	...
9.2. Hệ thống tính điểm	...
10. Tổ chức thực hiện	...

1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

1.1. Triết lý giáo dục của Trường

Sáng tạo - Thực tiễn - Hội nhập

Triết lý giáo dục đó của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Kinh tế phát triển như Bảng 1.

Bảng 1: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải vào CTĐT ngành Kinh tế phát triển

CTĐT Kinh tế phát triển		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh		
		Sáng tạo	Thực tiễn	Hội nhập
I. Khối kiến thức chung	Triết học		x	
	Tiếng Anh		x	x
	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	x	x	
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành				
Khối kiến thức cơ sở	Kinh tế học nâng cao	x	x	
	Kinh tế phát triển nâng cao	x	x	
	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	x	x	
	Kế hoạch hóa phát triển	x	x	
	Kinh tế công cộng nâng cao	x	x	x
	Phát triển bền vững	x	x	x
	Liên kết kinh tế vùng	x	x	x
	Chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu	x	x	x
	Phát triển nền kinh tế số	x	x	x
	Quản lý dự án	x	x	
	Kinh tế đầu tư nâng cao	x	x	
	Quản lý nhà nước về kinh tế	x	x	
	Luật kinh tế	x	x	x
	Kinh tế lượng ứng dụng	x	x	
	Phân tích dữ liệu kinh tế	x	x	
	Thống kê trong kinh tế	x	x	
Khối kiến thức chuyên ngành	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	x	x	
	Phát triển vùng và địa phương	x	x	
	Kinh tế và chính sách phát triển ngành	x	x	
	Kinh tế và tài chính công	x	x	

	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	x	x	
	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	x	x	
	Chính sách phát triển vùng	x	x	
	Quản lý phát triển	x	x	
	Phân tích chính sách kinh tế	x	x	
	Kinh tế phát triển so sánh	x	x	
III. Luận văn		x	x	x

1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

Tầm nhìn của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh: *“Trở thành một trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý”*.

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh xác định sứ mạng của Nhà trường là: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước”*.

1.3. Mục tiêu của Trường

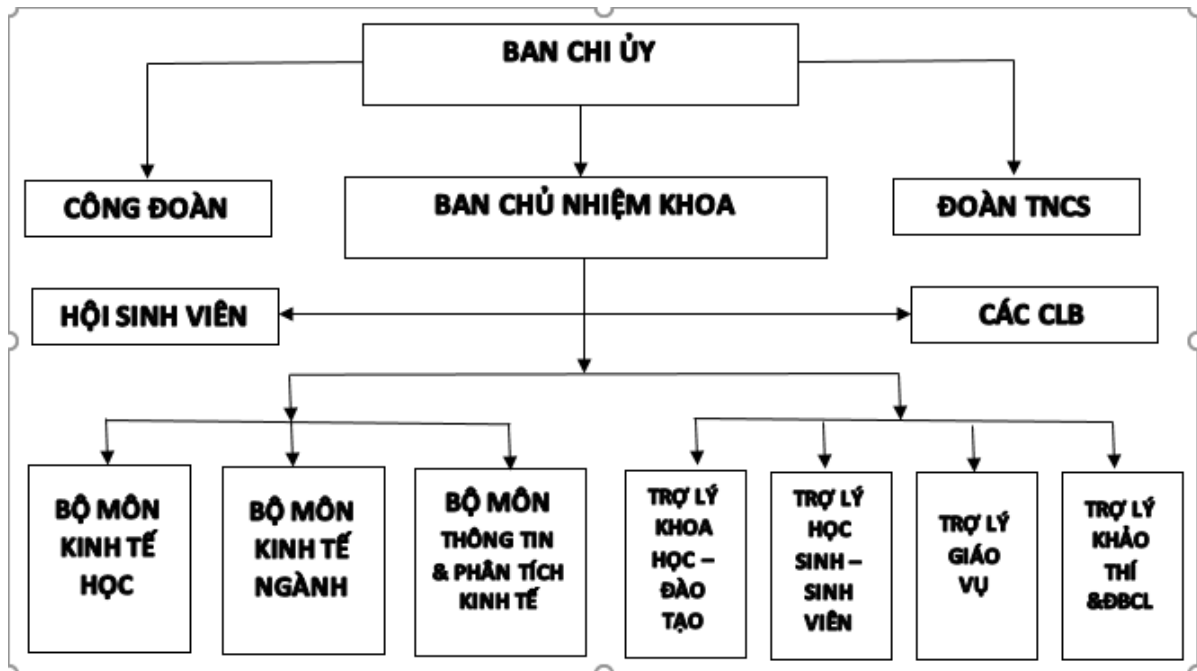
Trở thành trường đại học hàng đầu khu vực trung du và miền núi phía Bắc về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý với hệ thống quản trị đại học hiện đại, chuyên nghiệp, thực hiện tự chủ đi đôi với trách nhiệm xã hội, coi người học là chủ thể, trung tâm của mọi hoạt động; Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, lấy chất lượng làm nền tảng, đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao của xã hội và các nhà tuyển dụng trong và ngoài nước. Phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng và chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân, các địa phương, đặc biệt trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học - công nghệ chất lượng cao. Từng bước nâng cao năng lực theo các tiêu chí xếp hạng quốc tế.

1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Nhà trường đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2017 theo Quyết định số 117/QĐ-KĐCLGD ngày 12/12/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

1.5. Giới thiệu về Khoa

1.5.1. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế

a. Ban Chủ nhiệm Khoa:

* Trưởng khoa: TS. Nguyễn Tiến Long

Số điện thoại: 0912485659; 0965451656

Email: nguyentienlong@tueba.edu.vn

* Phó Trưởng khoa: TS. Nguyễn Thị Nhung

Số điện thoại: 0984238716; 0906011676

Email: nhungnt@tueba.edu.vn

* Phó Trưởng khoa: TS. Nguyễn Thị Thúy Vân

Số điện thoại: 0912766598

Email: leminh@tueba.edu.vn

b. Các bộ môn

- Bộ môn Kinh tế học
- Bộ môn Thông tin & Phân tích kinh tế
- Bộ môn Kinh tế ngành

1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ

Căn cứ theo Quyết định ban hành Điều lệ trường đại học số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2014, Khoa Kinh tế có các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc Khoa Kinh tế theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo theo kế hoạch chung của Nhà trường, bao gồm:

- Xây dựng chương trình đào tạo của các chuyên ngành: Kinh tế Đầu tư; Kinh tế Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kinh tế Phát triển; Kinh tế Y tế; Kinh tế và Quản lý bệnh viện; Kinh tế Bảo hiểm xã hội; Kinh tế Bảo hiểm y tế. Đưa Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh trở thành cơ sở đào tạo có uy tín về đào tạo chuyên ngành Kinh tế Y tế, Kinh tế và Quản lý bệnh viện.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần liên quan, bảo đảm tính khoa học và liên thông giữa các học phần của chương trình đào tạo, giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức phát triển các chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo kế hoạch, định hướng phát triển của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

- Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; chuyển giao và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến vào trong hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Khoa.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, đảm bảo cho người học đạt được chuẩn đầu ra theo cam kết đã được công bố cả về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ, hợp tác giữa Khoa Kinh tế và các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến các chuyên ngành đào tạo; huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Khoa.

4. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo.

5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên và người lao động, người học; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động thuộc Khoa.

6. Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, người học trong Khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường theo quy định của Nhà trường.

7. Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động để nâng cao nhận thức, cổ vũ tinh thần và nâng cao chất lượng cuộc sống cho giảng viên, người lao động, người học của Khoa Kinh tế.

1.5.3. Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo

Tính đến đầu năm học 2022-2023, Khoa Kinh tế có 48 VC, NLĐ (40 giảng viên cơ hữu; 08 giảng viên kiêm nhiệm). Về trình độ, trong 48 CBGV, có 01 PGS (2,08%), 20 Tiến sĩ (41,67%;) và 27 Thạc sĩ (56,25%).

Thực hiện chủ trương của Nhà trường về việc phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, từ năm 2018, Khoa Kinh tế đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát về nhu cầu học tập nâng cao trình độ ở bậc TS và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của đội ngũ GV. Từ năm 2020, Nhà trường đã thực hiện phân tích kết quả khảo sát để có

kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu và phù hợp với thực tế của các đơn vị. Các hoạt động này là cơ sở quan trọng để Khoa, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV.

Hằng năm, Nhà trường nói chung và Khoa Kinh tế nói riêng đã triển khai xây dựng kế hoạch công tác cụ thể đối với đội ngũ GV, gồm: kế hoạch phân công giảng dạy; kế hoạch giảng dạy (thời khóa biểu); kế hoạch dự giờ; kế hoạch NCKH của Khoa. Đây là cơ sở để đội ngũ GV thực hiện nhiệm vụ trong năm học và đánh giá, phân loại CBVC cuối năm học.

1.5.4. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo

Nhà trường hiện có tổng diện tích được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt là 17,13 ha. Các công trình xây dựng đều thực hiện theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Trong đó, Nhà Làm việc - Nghiên cứu có diện tích làm việc là 4265 m² được bố trí một cách hợp lý, với các trang thiết bị hiện đại như: Phòng làm việc cho lãnh đạo Trường (1 phòng chủ tịch Hội đồng trường, 1 phòng Hiệu trưởng, 3 phòng phó Hiệu trưởng); 04 phòng họp hội nghị (có quy mô chỗ ngồi từ 25 đến 200 chỗ ngồi); đảm bảo phòng làm việc cho 7 khoa, và các phòng ban, trung tâm. Hệ thống giảng đường của Nhà trường bao gồm tòa nhà GK1, GK2 và đơn nguyên GK2 với tổng diện tích xây dựng là 13.834 m², bình quân diện tích xây dựng giảng đường là 3,87 m²/sinh viên đáp ứng đầy đủ không gian học tập và nghiên cứu cho sinh viên. Hiện nay, các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, 100% các phòng học lớn đã được lắp thiết bị âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo. Số lượng phòng học của trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

- Phòng học, giảng đường:

Nhà trường có tổng diện tích quy hoạch là 17,14 ha, trong đó tổng diện tích đất quản lý sử dụng là 41.571m². Diện tích phòng học giảng đường là 13.834m², diện tích phòng thực hành máy tính là 303m², diện tích phòng học ngoại ngữ là 80m², diện tích thư viện là 343m², diện tích Nhà làm việc là 5.220m², ký túc xá là 9.308m², diện tích hội trường là 2.002m². Hệ thống sân thể thao, quảng trường sinh viên là 1.478m². Bên cạnh đó Nhà trường là thành viên của Đại học Thái Nguyên nên được sử dụng các công trình chung của đại học như: Trung tâm học liệu, Nhà thi đấu đa năng, Căng tin...Để đảm bảo tốt hơn nữa công tác đào tạo. Với hệ thống cơ sở vật chất hiện có Nhà trường đáp ứng đủ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác chuyên môn khác.

Bảng 2: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái Nguyên phục vụ cho CTĐT Kinh tế phát triển

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Ghi chú
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	650	Bục giảng, bàn ghế, bảng từ, hệ thống chiếu sáng, quạt, máy chiếu, hệ thống âm thanh, máy điều hòa		Tất cả các học phần	
2	Phòng học 100 - 200 chỗ	07	908	Bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, quạt, máy chiếu		Tất cả các học phần	
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	40	3250	Bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, quạt, máy chiếu		Tất cả các học phần	
4	Phòng học dưới 50 chỗ	0	0	Bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, quạt, máy chiếu		Tất cả các học phần	
5	Phòng học ngoại ngữ	01	76	Máy tính, máy in, máy chiếu, hệ thống âm thanh, các phần mềm phục vụ đào tạo		Học phần Ngoại ngữ	
6	Phòng thực hành	04	239	Máy tính, máy in, máy chiếu, hệ thống âm thanh, các phần mềm phục vụ đào tạo		Các học phần có nội dung thực hành trên máy tính	
7	Hội trường, nhà thi đấu đa năng		2002	-		Hội nghị, hội thảo, hoạt động TDDT	
8	Ký túc xá	180	9308	-		Sinh viên, học viên	
9	Sân vận động sân thể thao		1478	-		Hoạt động TDDT	

(Nguồn: Phòng Quản trị - Phục vụ, 2022)

- Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành:

Trường có hệ thống phòng máy tính phục vụ thực hành và phòng học, thi ngoại ngữ chất lượng cao. Máy vi tính và trang thiết bị hầu hết mới và hiện đại. Tổng số phòng thực hành của nhà trường là 04 phòng có 169 bộ máy tính được kết nối Internet, 200 bộ bàn ghế, 08 điều hòa, 03 máy chiếu, 03 bức giảng, 03 bảng, 03 hệ thống âm thanh ánh sáng. Phòng học ngoại ngữ gồm có 01 phòng học với 21 bộ máy tính, 21 bộ bàn ghế, 21 tai nghe, 01 máy chiếu, 02 điều hòa, 01 hệ thống loa mic, 01 bức, 01 bảng. Các trang thiết bị được mua sắm đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy, NCKH của người học và giảng viên.

- Trang thiết bị phục vụ đào tạo:

Tất cả các phòng học của nhà trường được trang bị đầy đủ bức giảng, bàn ghế và bảng từ chống lóa, hệ thống chiếu sáng quạt. Nhà trường có đủ máy chiếu (projector) phục vụ giảng dạy và NCKH, toàn bộ các phòng học tại giảng đường phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tiếp được lắp cố định máy chiếu, các phòng học lớn được trang bị hệ thống âm thanh (loa, âm ly, micro). Bên cạnh đó, các thiết bị khác như loa di động, máy cassette phục vụ học ngoại ngữ được trang bị và để tại phòng chờ của giáo viên của từng khu vực giảng đường để phục vụ các giáo viên có nhu cầu. Ngoài các trang thiết bị hỗ trợ dạy học tại các phòng học, Nhà trường có hệ thống phòng máy tính (gồm có 04 phòng với số lượng máy tính mỗi phòng là từ 21 – 52 máy) được trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, tai nghe..., được kết nối mạng LAN và mạng Internet, giúp sinh viên, học viên và cán bộ giáo viên nhà trường trong việc khai thác thông tin mạng, khai thác các trang web riêng của nhà trường, cung cấp dịch vụ Web Server, cung cấp dịch vụ File Server, cung cấp dịch vụ Print Server, khai thác phần mềm thư viện (Winsis)...

Bảng 3: Thống kê trang thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên gọi của máy, thiết bị kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Máy tính tại phòng máy thực hành, phòng học ngoại ngữ	Việt Nam	190	Tin học, Ngoại ngữ, Các HP thi trắc nghiệm trên MT...	
2	Máy tính tại các phòng làm làm việc		141		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các khoa, Phòng, Ban...
3	Máy tính xách tay	Nhật + Mỹ	7		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý
4	Máy chiếu		53	Tất cả các học phần	

STT	Tên gọi của máy, thiết bị kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
5	Máy Scan		4		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các khoa, Phòng, Ban...
6	Máy in		98		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các khoa, Phòng Ban...
7	Máy photocopy	Nhật	03		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các khoa, Phòng, Ban...
8	Hệ thống âm thanh	Liên Doanh	14	Tất cả các học phần	
9	Bộ phát không dây		24	Tất cả các học phần	
10	Máy điều hòa		61		Chủ yếu phục vụ hoạt động của các Khoa, phòng, Ban, các lớp CLC, các lớp SDH...

(Nguồn: Phòng Quản trị - Phục vụ, 2022)

- Thư viện:

Về thư viện, sinh viên nhà trường được sử dụng hệ thống thư viện bao gồm: Thư viện trường có 602 đầu sách với 39.382 cuốn, số lượng khóa luận, luận văn, luận án 3.195 cuốn trong đó luận văn 1667 cuốn, luận án 10 cuốn, khóa luận 1518 cuốn. Ngoài ra, với tư cách là Trường thành viên của Đại học Thái Nguyên. Nhà trường được sử dụng chung hệ thống thư viện tại Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên với 5.814 đầu sách với 26.212 cuốn, tạp chí, kể cả e- book, cơ sở dữ liệu (dành cho khối ngành kinh tế). Thông qua hợp tác quốc tế, Nhà trường được mạng lưới giáo dục đại học Châu Á (ANHE) có 859 đầu sách với 931 cuốn, trong đó có nhiều đầu sách quý trên thế giới xuất bản bằng tiếng Anh. Hệ thống thư viện trên có đầy đủ phòng đọc, phòng mượn với đầy đủ số lượng sách, báo, tài liệu, máy tính kết nối mạng internet để phục vụ người học trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường.

Bảng 4: Thư viện phục vụ CTĐT Kinh tế phát triển tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

TT	Thư viện	Diện tích thư viện (m ²)	Diện tích phòng đọc (m ²)	Số chỗ ngồi	Số lượng máy tính tra cứu	Số đầu sách (GT, TK)/ số bản	Phần mềm quản lý thư viện
1	Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên	7.200	7.200	400	400	1.982/> 20.000	
2	Thư viện Trường	235,1	80,3	40	01	602(486/41)	ELIB
3	Thư viện điện tử www.elib.tueba.edu.vn					>1.500 cuốn	

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp ba công khai trường ĐHK& QTKD, 2022)

- Mạng công nghệ thông tin, cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

Nhà trường lắp đặt hệ thống máy chủ gồm 05 máy được sử dụng để lưu trữ dữ liệu quản lý, cài đặt các phần mềm quản lý và các dịch vụ trực tuyến. Đồng thời phòng máy chủ cũng được trang bị các thiết bị để đảm bảo an ninh, an toàn mạng và đảm bảo các điều kiện khác như thiết bị chống sét, điều hòa nhiệt độ, thiết bị sao lưu dữ liệu... Nhà trường đã thuê đường truyền Internet trực tiếp và đường truyền cáp quang để kết nối với hệ thống máy chủ để phục vụ việc truy cập qua Internet đến các phần mềm và dịch vụ trực tuyến của Nhà trường.

Hệ thống máy tính của Nhà trường được bố trí thành 04 phòng tại 2 giảng đường là GK1 và GK2. Các phòng máy tính được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ dạy học như máy chiếu, phong chiếu, bảng từ, hệ thống chiếu sáng, hệ thống quạt, điều hòa. 100% số máy tính được kết nối mạng LAN và nối mạng Internet để phục vụ giảng dạy và học tập.

Nhà trường đã đầu tư đủ máy tính cho tất cả các phòng, khoa, trung tâm với tổng số là 141 máy. Các máy tính được kết nối mạng LAN, mạng Internet để khai thác các phần mềm quản lý của Nhà trường.

Từ năm 2012, Nhà trường đã phủ sóng Internet không dây tại khu vực nhà hiệu bộ, thư viện. Đến tháng 6/2016, Nhà trường đã phủ sóng Internet không dây tại toàn bộ các giảng đường, nhà Hiệu bộ, thư viện và ký túc xá để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên truy cập.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập và NCKH, Nhà trường đã đầu tư, ứng dụng một số phần mềm như: phần mềm quản lý đào tạo IU (năm 2009), phần mềm quản lý khoa học (năm 2012), phần mềm quản lý nhân sự (năm 2013), phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý thư viện (năm 2012), phần mềm tuyển sinh trực tuyến (năm 2015), phần mềm thực hành môn học kế toán máy (năm 2005), phần mềm thực hành môn học Thương mại điện tử căn bản (năm 2007), phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính (năm 2010).

Từ năm 2012, Nhà trường đã cung cấp miễn phí hộp thư điện tử theo tên miền riêng của Nhà trường (@tueba.edu.vn) cho tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên. Đến nay, Nhà trường đã phủ sóng Internet không dây (wifi) tại tất cả các khu vực làm việc và đã cấp tài khoản truy cập miễn phí cho tất cả cán bộ, giảng viên.

2. Giới thiệu chương trình đào tạo

2.1. Thông tin chung

Bảng 5: Thông tin chung về CTĐT

Tên gọi:	CTĐT THẠC SĨ KINH TẾ PHÁT TRIỂN (theo định hướng ứng dụng)
Bậc:	Thạc sĩ
Loại hình đào tạo:	Chính quy/Vừa làm vừa học
Thời gian:	Chính quy: 1,5 - 2 năm Vừa làm vừa học: 2 – 2,5 năm
Số tín chỉ:	60
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Khoa quản lý:	Kinh tế
Website:	http://kinhte.tueba.edu.vn
Ban hành:	

2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

2.2.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên, chuyên viên, lãnh đạo quản lý tại các phòng chức năng của các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp (các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương; các cơ quan Quản lý kinh tế ở các địa phương).

- Nhân viên, chuyên viên, lãnh đạo quản lý tại các bộ phận trong Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các doanh nghiệp trong nước, các khu chế xuất, khu công nghiệp.

- Nhân viên, chuyên viên, lãnh đạo quản lý tại ngân hàng và các tổ chức tài chính.

- Nhân viên, chuyên viên, lãnh đạo quản lý tại các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ.

- Giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp có hoạt động đào tạo liên quan đến lĩnh vực Kinh tế Phát triển.

2.2.2. Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp

- Cơ hội học tập rộng mở ở bậc tiến sĩ trong khối ngành kinh tế nói chung ngành kinh tế phát triển nói riêng.

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

3.1. Mục tiêu chung

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển theo định hướng ứng dụng trang

bị cho học viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; các công cụ phân tích định tính và định lượng; khả năng ứng dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; hình thành khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề và ra quyết định phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, địa phương, tại các đơn vị thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản lý, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển có khả năng:

- Về kiến thức:

PO1: Trang bị cho học viên các kiến thức tổng hợp về pháp luật, kinh tế, quản lý và bảo vệ môi trường; các kiến thức nâng cao về Kinh tế phát triển và quản lý; các kiến thức về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội; năng lực phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách và hoạt động phát triển trong phạm vi cả nền kinh tế cũng như của nội bộ ngành và địa phương.

- Về kỹ năng:

PO2: Phát triển các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội; quản lý, lãnh đạo và tổ chức thực hiện các chương trình dự án; sử dụng hiệu quả các công cụ hiện đại trong phân tích các thông tin kinh tế - xã hội, dự báo các biến động kinh tế - xã hội; phát triển kỹ năng và sử dụng ngoại ngữ để thực hiện hiệu quả các công việc liên quan đến chuyên ngành Kinh tế phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO3: Đào tạo cho người học năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; tự định hướng, đưa ra kết luận để giải quyết các vấn đề; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; lập kế hoạch và quản lý công tác chuyên môn; có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes – PLOs)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLO	Mã PLOs	Mô tả
PLO1: Kiến thức	PLO1.1	Vận dụng được phương pháp luận và khoa học chính trị trong xây dựng các giải pháp can thiệp các vấn đề kinh tế xã hội.
	PLO1.2	Làm chủ các kiến thức thuộc lĩnh vực Kinh tế phát triển, các kiến thức liên ngành để vận dụng sáng tạo vào hoạt động thực tiễn, phân tích được đường lối, chính sách và dự báo được xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.
	PLO1.3	Ứng dụng các kiến thức nâng cao, toàn diện và cập nhật về kinh tế phát triển, các kiến thức liên ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa vào phân tích các vấn đề phát triển của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô; xây dựng được các

PLO	Mã PLOs	Mô tả
		chương trình - dự án, kế hoạch, quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.
	PLO1.4	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế phát triển và kiến thức liên ngành có liên quan trong hoạch định các chính sách, quản lý các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức và tư vấn thực hiện các chính sách phát triển.
PLO2: Kỹ năng	PLO2.1	Ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ mới trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
	PLO2.2	Dẫn dắt, tổ chức và quản lý được các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế - xã hội như nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của địa phương, của quốc gia hay một vùng lãnh thổ; quản lý phát triển,
	PLO2.3	Sử dụng hiệu quả các công cụ hiện đại trong phân tích các thông tin kinh tế - xã hội, dự báo các biến động kinh tế - xã hội để đưa ra được giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.
	PLO2.4	Truyền đạt tri thức trong lĩnh vực Kinh tế phát triển dựa trên kết quả phân tích, thảo luận các vấn đề chuyên môn với người cùng ngành và ngoài ngành.
	PLO2.5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PLO3: Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Làm việc độc lập hoặc dẫn dắt chuyên môn, phối hợp các thành viên trong nhóm làm việc có hiệu quả, đưa ra được các sáng kiến quan trọng.
	PLO3.2	Thích ứng nhanh với sự thay đổi; quyết định phương hướng triển khai nhiệm vụ, công việc được giao; đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.
	PLO3.3	Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình - dự án phát triển kinh tế xã hội.
	PLO3.4	Quản lý và cải tiến được các hoạt động lập kế hoạch, chuyển đổi mô hình kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh,...

4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu Chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường

a) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) được cho trong Bảng 6. Có thể thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 6: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu cụ thể của CTĐT	CDR của CTĐT												
	PLO1				PLO2					PLO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4
PO1	x	x	x	x									
PO2					x	x	x	x	x		x	x	
PO3										x	x		x

b) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia (bậc 7) được thể hiện trong Bảng 7.

Bảng 7: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và yêu cầu CDR trong Khung trình độ quốc gia (bậc 7)

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ Kinh tế phát triển
Kiến thức	
Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	PLO1.1 PLO1.2
Kiến thức liên ngành có liên quan.	PLO 1.3
Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	PLO 1.4
Kỹ năng	
Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.	PLO 2.3
Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	PLO2.4
Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	PLO2.2; PLO3.3
Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	PLO2.1
Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	PLO2.5
Mức tự chủ và trách nhiệm	

Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.	PLO3.1
Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.	PLO3.2
Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	PLO3.2
Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	PLO3.4

c) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra (CĐR) đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

Bảng 8: Quan hệ giữa CĐR của CTĐT với chuẩn nghề nghiệp, tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)	Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
PLO1.1		R	R
PLO1.2		R	R
PLO1.3		R	R
PLO1.4		R	R
PLO2.1		R	M
PLO2.2		R	M
PLO2.3		M	R
PLO2.4		M	M
PLO2.5		R	R
PLO3.1		R	R
PLO3.2		M	M
PLO3.3		R	R
PLO3.4		R	R

5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh theo quy định tại Điều 6 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quá trình đào tạo

CTĐT thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển của trường ĐH Kinh tế và QTKD được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ cho phép người học linh hoạt trong kế hoạch học tập, từ đó có thể tốt nghiệp trong thời gian 1,5 - 4 năm, tổng số tín chỉ của CTĐT là 60 tín chỉ. Quá trình đào

tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

7. Chương trình dạy học

7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy

7.1.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Trong đó phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 9.

Bảng 9: Các khối kiến thức và số tín chỉ

TT	Chương trình dạy học	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Khối kiến thức cơ bản	12	
II	Khối kiến thức ngành	6	9
III	Kiến thức chuyên ngành	9	9
IV	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	15	

Các khối kiến thức được thiết kế nhằm đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 10.

Bảng 10: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	PLOs													
				1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	
I	Khối kiến thức cơ bản	12	20	x								x	x				
II	Khối kiến thức ngành	15	25		x	x		x		x	x		x				
III	Kiến thức chuyên ngành	18	30				x	x	x	x	x		x	x	x	x	
IV	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	15	25	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	
	Tổng																

Danh sách các học phần trong chương trình dạy học phân theo khối kiến thức cụ thể như sau:

Bảng 11: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Khối lượng kiến thức – Số tín chỉ			
			Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận		Tổng số tín chỉ
1. Khối kiến thức cơ bản			8	4		12
1	PHI 641	Triết học	3	1		4
2	ENG 651	Tiếng Anh	3	2		5
3	RME 631	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	1		3
2. Khối kiến thức ngành			10	5		15
	Các học phần bắt buộc		4	2		6
4	AEC631	Kinh tế học nâng cao	2	1		3
5	ADE 631	Kinh tế phát triển nâng cao	2	1		3
	Các học phần tự chọn (chọn 3 học phần)		6	3		9
6,7,8	SDF 631	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	2	1		3
	DPL 631	Kế hoạch hóa phát triển	2	1		3
	PEC 631	Kinh tế công cộng nâng cao	2	1		3
	SDE 631	Phát triển bền vững	2	1		3
	REL 631	Liên kết kinh tế vùng	2	1		3
	EPC 631	Chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu	2	1		3
	DED 631	Phát triển nền kinh tế số	2	1		3
	PMA 631	Quản lý dự án	2	1		3
	IEC 631	Kinh tế đầu tư nâng cao	2	1		3

	SME 631	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	1		3
	ECL 631	Luật kinh tế	2	1		3
	APE 631	Kinh tế lượng ứng dụng	2	1		3
	AED 631	Phân tích dữ liệu kinh tế	2	1		3
	EST 631	Thống kê trong kinh tế	2	1		3
3. Kiến thức chuyên ngành			12	6		18
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6	3		9
9	MPD 631	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	2	1		3
10	RLD 631	Phát triển vùng và địa phương	2	1		3
11	ESP 631	Kinh tế và chính sách phát triển ngành	2	1		3
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 3 học phần)</i>		6	3		9
12,13,14	EPF 631	Kinh tế và tài chính công	2	1		3
	SDP 631	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	2	1		3
	SDS 631	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	2	1		3
	RDP 631	Chính sách phát triển vùng	2	1		3
	DMA 631	Quản lý phát triển	2	1		3

	EPA 631	Phân tích chính sách kinh tế	2	1		3
	CDE 631	Kinh tế phát triển so sánh	2	1		3
4. Thực tập và Đề án tốt nghiệp			0	15		15
Chuyên đề thực tế 1				3		3
Chuyên đề thực tế 2				3		3
Đề án tốt nghiệp				9		9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			30	30		60

7.1.2. Kế hoạch giảng dạy

Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học được thể hiện trong Sơ đồ 2 dưới đây:

Năm thứ nhất

Học kỳ 1

Học phần và mã học phần

- Bắt buộc
- + Triết học 4
- + Tiếng Anh 5
- + Phương pháp nghiên cứu kinh tế 3
- + Kinh tế học nâng cao 3
- + Kinh tế phát triển nâng cao 3

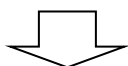
Tổng TC:
18

Học kỳ 2

Học phần và mã học phần

- Bắt buộc
- + Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội 3
- + Phát triển vùng và địa phương 3
- + Kinh tế và chính sách phát triển ngành 3
- Tự chọn
- + Học phần 1 3
- + Học phần 2 3
- + Học phần 3 3

Tổng TC:
18



Năm thứ hai

Học kỳ 1

Học phần và mã học phần

- Tự chọn

+ Học phần 1

+ Học phần 2

+ Học phần 3

Số tín chỉ

3

3

3

Học kỳ 2

Thực tập và Đề án tốt nghiệp

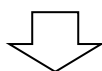
Số tín chỉ

15

Tổng TC:

15

Tổng TC: 9



Sơ đồ 2: Bản đồ chương trình dạy học ngành Kinh tế phát triển

Kế hoạch giảng dạy đối với CTĐT ngành Kinh tế phát triển như sau:

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Điều kiện			
					Bắt buộc	Tự chọn	Tiên quyết	Học trước
1	18	Triết học	PHI 641	4				
		Tiếng Anh	ENG 651	5				
		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	RME 631	3				
		Kinh tế học nâng cao	AEC631	3				
		Kinh tế phát triển nâng cao	ADE 631	3				
2	18	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	MPD 631	3				
		Phát triển vùng và địa phương	RLD 631	3				

		Kinh tế và chính sách phát triển ngành	ESP 631	3				
		Học phần tự chọn 1		3				
		Học phần tự chọn 2		3				
		Học phần tự chọn 3		3				
3	9	Học phần tự chọn 1		3				
		Học phần tự chọn 2		3				
		Học phần tự chọn 3		3				
4	15	Thực tập và đề án tốt nghiệp		15				

7.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Lưu ý: Trong CTĐT có các học phần tự chọn đã được phân nhóm theo tổ hợp dựa trên tính tương đồng giữa các học phần, vì vậy nên xác định mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra đặc trưng chung cho nhóm.

Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng 12.

Bảng 12: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	PLO1				PLO2					PIO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4
Triết học	R									R			
Tiếng Anh									R				
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		R					R			R	R		
Kinh tế học nâng cao		M				R				R	M		
Kinh tế phát triển nâng cao		R					R			R			

	PLO1				PLO2					PIO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4
Dự báo phát triển kinh tế - xã hội		M	M		M								R
Kế hoạch hóa phát triển		M					R					R	
Kinh tế công cộng nâng cao	R	R					R			R	R		
Phát triển bền vững			R	R				R		R	R		
Liên kết kinh tế vùng	R	M				M		M					R
Chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu		R		M			R					M	M
Phát triển nền kinh tế số		R		R						R			
Quản lý dự án			R			R				R		R	
Kinh tế đầu tư nâng cao		R	R					R		R	R		
Quản lý nhà nước về kinh tế		R		R				R		R			
Luật kinh tế		R		R				R		R			
Kinh tế lượng ứng dụng			R			R				R			
Phân tích dữ liệu kinh tế		R	R				R			R	R		
Thống kê trong kinh tế		R	R				R			R	R		
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội			R			R				R		R	
Phát triển vùng và địa phương	R	R					R			R	R		

	PLO1				PLO2					PIO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4
Kinh tế và chính sách phát triển ngành			R					R		R			
Kinh tế và tài chính công			R					R		M	R		
Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	R	R					R			M	M		
Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	M	R				M				R			R
Chính sách phát triển vùng				M	M	R						R	R
Quản lý phát triển				M		R	M				R		
Phân tích chính sách kinh tế				R		R				R		R	
Kinh tế phát triển so sánh			M	M				M		M			
Chuyên đề thực tế 1	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Chuyên đề thực tế 2	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Đề án tốt nghiệp/luận văn	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7.3. Mô tả các học phần trong chương trình dạy học

7.3. Mô tả các học phần trong chương trình dạy học

1- Học phần 1: Triết học

Mô tả học phần:

Nội dung của học phần Triết học dành cho hệ cao học có 8 chương thông qua đó nhằm giới thiệu khái luận về triết học, các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử

của triết học Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật. Qua học tập, nghiên cứu học phần sẽ trang bị cho học viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp học viên có thể giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng, nâng cao trình độ tự giác trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo.

Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học viên nắm vững các kiến thức cơ bản của học phần Triết học về: Khái luận Triết học, Bản thể luận, Phép biện chứng, Nhận thức luận, Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, Triết học chính trị, Ý thức xã hội và Triết học về con người.	PLO1.1
CO2	Học viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các kiến thức đã lĩnh hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và thế giới trong giai đoạn hiện nay.	PLO2.4
CO3	Tôn trọng quy luật khách quan trong nhận thức và thực tiễn, phát huy vai trò của nhân tố chủ quan; hình thành niềm tin, xác lập cơ sở lý luận đúng đắn, khoa học về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng lối sống đẹp, đạo đức trong sáng.	PLO3.1

8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Học viên khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin; Hiểu được các nội dung nâng cao về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay: Bản thể luận, Phép biện chứng, Nhận thức luận, Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, Triết học chính trị, Ý thức xã hội và Triết học về con người.
CLO2	- Giúp học viên nâng cao năng lực tư duy logic, biện chứng; vận dụng sáng tạo

	chủ nghĩa Mác- Lênin vào hoạt động nhận thức và thực tiễn; củng cố và tiếp tục xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. - Học viên hiểu sâu rộng hơn kiến thức về: phép biện chứng, nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm các nguyên lý, quy luật và phạm trù cơ bản; lý luận nhận thức duy vật biện chứng nhằm hình thành phương pháp luận biện chứng duy vật và vận dụng sáng tạo phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Học viên hiểu và đánh giá được nội dung, giá trị khoa học cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế xã hội; vấn đề triết học chính trị; mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin và vận dụng sáng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.
CLO3	- Học viên tôn trọng lịch sử, biết kế thừa tư tưởng lịch sử triết học có giá trị trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. - Học viên tôn trọng hiện thực khách quan, phát huy tính năng động sáng tạo của nhân tố chủ quan, vận dụng quy luật khách quan của phép biện chứng duy vật trong nhận thức, hoạt động thực tiễn và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Học viên nhận diện, luận giải, phản biện các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng đạo đức nghề nghiệp chuyên môn gắn với hoạt động kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần Triết học đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO2.4	PLO3.1
CLO1	R		

CLO2		R	
CLO3			M

2- Học phần 2: Tiếng Anh

3-Học phần 3: Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2/1/6)

Học phần phương pháp nghiên cứu kinh tế thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học nói chung một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Đồng thời, học phần còn tăng cường cho học viên các kiến thức cơ bản về kết cấu, văn phong cũng như hình thức trình bày của một báo cáo khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần cung cấp kiến thức về cách thức tiến hành nghiên cứu một đề tài thạc sĩ hay viết bài báo khoa học từ việc hình thành ý tưởng, viết đề cương nghiên cứu đến các phương pháp thu thập số liệu, xử lý số liệu và viết kết quả nghiên cứu thành đề tài hoàn chỉnh. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên có khả năng áp dụng một số phương pháp phổ biến nhất vào quá trình nghiên cứu cho một dự án hoặc một đề tài nghiên cứu khoa học.	PLO1.2 CTĐT (Kinh tế phát triển)
CO2	Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề một cách khoa học. kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ cho nghiên cứu.	PLO2.3 CTĐT (Kinh tế phát triển)
CO3	Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu	PLO3.1 CTĐT (Kinh tế phát triển) PLO3.2 CTĐT (Kinh tế phát triển)

Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu được quy trình để thực hiện một nghiên cứu khoa học (một đề tài, một báo cáo, bài báo khoa học).
CLO2	Vận dụng được phương pháp phân tích định tính, định lượng.
CLO3	Áp dụng để xây dựng đề cương chi tiết cho vấn đề nghiên cứu cụ thể

CLO4	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm
CLO5	Tư duy và chủ động đề xuất một định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần phương pháp nghiên cứu kinh tế đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R			
CLO2		R		
CLO3		R	R	
CLO4			R	
CLO5				R

4- Học phần 4: Kinh tế học nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế học nâng cao thuộc khối kiến thức ngành nhằm giới thiệu cho học viên một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như sự lựa chọn tối ưu, chống độc quyền, thúc đẩy cạnh tranh, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, các chính sách kinh tế vĩ mô về ổn định giá cả, gia tăng sản lượng, năng suất lao động, giải quyết việc làm,... nhằm đảm bảo tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh và bền vững của địa phương, vùng và của toàn bộ nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ mới.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Các lý thuyết, các nguyên lý kinh tế hiện đại để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.	PLO1.2
CO2	Kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp ra quyết định trong lập kế hoạch, quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau.	PLO1.2; PLO2.2
CO3	Làm chủ được kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập trong các tổ chức kinh tế và cơ quan quản lý các cấp	PLO3.1

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO4	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy sáng tạo, khoa học; Khả năng tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp.	PLO3.1
CO5	Thích nghi, tự định hướng, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.	PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Hiểu, giải thích được những vấn đề lý luận và thực tiễn như sự lựa chọn tối ưu, sức mạnh thị trường, sự đa dạng của các thị trường, hoạt động của thị trường các yếu tố đầu vào, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, các chính sách kinh tế vĩ mô về ổn định giá cả, gia tăng sản lượng, năng suất lao động, giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững;
CLO2	- Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào việc tổng hợp ra quyết định trong lập kế hoạch, quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau;
CLO3	- Phân tích, đánh giá, tổng hợp và hoạch định chính sách kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.
CLO4	- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc. Khả năng tư duy sáng tạo, khoa học. Khả năng tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp;
CLO5	- Có năng lực thích nghi, tự định hướng, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế học nâng cao với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	M			
CLO 2	M	R		

CLO 3			R	
CLO 4			R	
CLO 5				M

5-Học phần 5: Kinh tế phát triển nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Môn học Kinh tế phát triển nâng cao cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các vấn đề thuộc về lĩnh vực kinh tế phát triển. Học phần bao gồm có 2 phần lớn:

Phần 1. Tăng trưởng kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng. Phần này gồm có 2 chương giới thiệu về một số nội dung về tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực của tăng trưởng kinh tế và đặc biệt về vốn con người.

Phần 2: Phát triển kinh tế bền vững. Phần này gồm có 3 chương, giới thiệu về các vấn đề thuộc về phát triển bền vững. Đó là vấn đề phát triển kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng và môi trường. Ngoài ra, mối quan hệ giữa các vấn đề này với tăng trưởng kinh tế cũng được nêu và phân tích.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Những kiến thức cơ bản và nâng cao về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững. Người học có thể nắm được các kiến thức và sự vận dụng các lý thuyết tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế vào trong việc hoạch định các chính sách; Cung cấp cho người học các phương thức tính toán các chỉ số đo lường các vấn đề tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực tăng trưởng kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng về thu nhập và các vấn đề về môi trường nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu cũng như công việc thực tế có liên quan.	PLO1.2
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề phát triển kinh tế. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của các mô hình kinh tế tiêu biểu dựa trên lý thuyết về phát triển và các mô hình phát triển kinh tế vận dụng vào các nước đang phát triển.	PLO2.4
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến KTPT	PLO3.1

Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản và nâng cao về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững.
CLO2	Vận dụng kiến thức về các lý thuyết tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế vào trong việc hoạch định các chính sách.
CLO3	Vận dụng được các phương thức tính toán các chỉ số đo lường các vấn đề tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực tăng trưởng kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng về thu nhập và các vấn đề về môi trường nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu cũng như công việc thực tế có liên quan.
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về phát triển kinh tế.
CLO5	Có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực KTPT; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến KTPT

Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần Kinh tế phát triển nâng cao đối với CĐR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO2.4	PLO3.1
CLO1	R		
CLO2	R		
CLO3		R	
CLO4			R
CLO5			R

6- Học phần 6: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội nhằm cung cấp cho học viên theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kinh tế phát triển theo định hướng nghiên cứu các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở lý thuyết về dự báo phát triển kinh tế - xã hội, các loại dữ liệu cũng như các phương pháp thu thập dữ liệu, đặc biệt, các kiến thức chuyên sâu về các loại dự báo trong các lĩnh vực kinh tế xã hội	PLO1.2 PLO1.3
CO2	Dự báo cầu thị trường và giá cả, Dự báo tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Dự báo phát triển khoa học công nghệ, Dự báo dân số và lao động, Dự báo vốn.	PLO2.1
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận cho quá trình ra quyết định quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.	PLO3.4

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Nắm được các phương pháp dự báo phát triển kinh tế - xã hội cơ bản.
CLO2	Dự báo cầu thị trường và giá cả, Dự báo tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Dự báo phát triển khoa học công nghệ, Dự báo dân số và lao động, Dự báo vốn.
CLO3	phản biện về vấn đề dự báo kinh tế - xã hội đối với các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia hoặc địa phương
CLO4	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực dự báo phát triển kinh tế - xã hội; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến dự báo kinh tế - xã hội.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Dự báo phát triển kinh tế - xã hội với CDR CTĐT
(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1..2	PLO1.3	PLO2.1	PLO3.4
CLO1	M			
CLO2		M		
CLO3			M	

CLO4				R
------	--	--	--	---

7-Học phần 7: Kế hoạch hóa phát triển

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Kế hoạch hóa phát triển là một môn khoa học xã hội nhằm cung cấp cho học viên theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kinh tế phát triển theo định hướng nghiên cứu các kiến thức lý luận và thực tiễn về xây dựng, thực hiện, theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường. Kế hoạch hóa phát triển nghiên cứu vấn đề lập các kế hoạch phát triển 3 khu vực kinh tế trong nền kinh tế quốc dân (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) và 3 lĩnh vực xã hội chủ yếu (dân số, y tế và giáo dục).

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần này trang bị cho học viên: Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong xã hội.	PLO1.3
CO2	Lập, triển khai thực hiện, đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, quốc gia.	PLO2.1
CO3	Năng lực làm việc độc lập trong việc ra các quyết định quản lý; Hướng dẫn, giám sát các thành viên nhóm trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	PLO3.3

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả
	Sau khi học xong môn học này, người học có thể
CLO1	- Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch hóa phát triển. - Phân tích các vấn đề kế hoạch hóa trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội chủ yếu ở phạm vi địa phương và quốc gia.
CLO2	- Lập kế hoạch phát triển trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội chủ yếu; - Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - Đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đã triển khai thực hiện.
CLO3	- Độc lập trong việc ra các quyết định quản lý; - Hướng dẫn, giám sát các thành viên nhóm trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kế hoạch hóa phát triển với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.3
CLO1	M		
CLO2		R	
CLO3			R

8- Học phần 8: Kinh tế công cộng nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Môn học cung cấp cho học viên những vấn đề chuyên sâu về kinh tế công cộng cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Chương 1 giới thiệu cơ sở cho sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế. Chương 2 trình bày vấn đề huy động nguồn lực của chính phủ, phân tích khía cạnh thuế khóa. Chương 3 phân tích khía cạnh chi tiêu ngân sách bao gồm các chính sách chi tiêu và đầu tư công; các chính sách xã hội của chính phủ; tìm hiểu khung phân tích và khuôn khổ đánh giá hiệu quả chính sách chi tiêu công của chính phủ. Chương 4 trình bày mối quan hệ ngân sách giữa các cấp chính quyền, bao gồm việc tìm hiểu quá trình phân cấp ngân sách và chuyển giao nguồn lực và trợ cấp chéo ngân sách giữa các địa phương. Chương 5 cung cấp cho người học các kiến thức thực tiễn về Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội ở Việt Nam.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Hiểu vai trò của khu vực công trong mối quan hệ với thị trường; Hiểu rõ các chính sách thu, chi ngân sách và phân cấp ngân sách giữa các cấp chính quyền; Phân tích được các vấn đề về giá trị và phân phối; Phân tích, đánh giá các phương diện của chính sách tài khóa; Vận dụng lý thuyết vào phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ, đánh giá tác động và sự hợp lý của chính sách ở Việt Nam	PLO1.1; PLO1.2
CO2	Trang bị cho học viên cao học những kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện trong công tác xây dựng các chính sách liên quan đến vấn đề vai trò và các lựa chọn của chính phủ cũng như chính quyền địa phương trong nền kinh tế nhìn	PLO2.3

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
	ở phương diện huy động và phân bổ nguồn lực của các cấp chính quyền; đánh giá các chương trình đầu tư và chỉ tiêu ngân sách của chính phủ.	
CO3	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích phân tích những mục tiêu và những tình huống đánh đổi giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội, phân tích nguyên lý đưa ra sự lựa chọn và quyết định; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến các khu vực công.	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu vai trò của khu vực công trong mối quan hệ với thị trường; Hiểu rõ các chính sách thu, chi ngân sách và phân cấp ngân sách giữa các cấp chính quyền; Phân tích được các vấn đề về giá trị và phân phối; Phân tích, đánh giá các phương diện của chính sách tài khóa;
CLO2	Vận dụng lý thuyết vào phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ, đánh giá tác động và sự hợp lý của chính sách ở Việt Nam
CLO3	Có những kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp và phản biện trong công tác xây dựng các chính sách liên quan đến vấn đề vai trò và các lựa chọn của chính phủ cũng như chính quyền địa phương trong nền kinh tế nhìn ở phương diện huy động và phân bổ nguồn lực của các cấp chính quyền; đánh giá các chương trình đầu tư và chỉ tiêu ngân sách của chính phủ.
CLO4	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích phân tích những mục tiêu và những tình huống đánh đổi giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội, phân tích nguyên lý đưa ra sự lựa chọn và quyết định; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến các khu vực công.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế công cộng nâng cao với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				R	R

9- Học phần 9: Phát triển bền vững

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Phát triển bền vững cung cấp cho học viên những vấn đề chuyên sâu về phát triển bền vững cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, gồm: nội dung phát triển bền vững; mô hình phát triển bền vững, đo lường phát triển bền vững, quản lý tài nguyên môi trường để đạt được sự phát triển bền vững và các vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Kiến thức chuyên sâu về phát triển bền vững	PLO1.3; PLO1.4
CO2	Có khả năng thuyết trình và truyền đạt các vấn đề, các nghiên cứu liên quan đến phát triển bền vững	PLO2.4
CO3	Phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về phát triển bền vững, như: nội dung của phát triển bền vững; các mô hình phát triển bền vững; phương pháp và chỉ tiêu đo lường phát triển bền vững; các nhóm mục tiêu cơ bản của phát triển bền vững. - Hiểu được thực tiễn phát triển bền vững ở Việt Nam, chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam
CLO2	- Có kỹ năng thuyết trình trước đám đông. - Đo lường được mức độ phát triển bền vững, xây dựng được nhiệm vụ, kế hoạch, chiến lược phát triển bền vững ở địa phương, quốc gia.
CLO3	- Làm các bài tập cá nhân, bài tập tình huống theo yêu cầu giảng viên. - Phối hợp và làm việc với nhiều thành viên nhóm. - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong phân tích thực trạng phát triển bền vững và xây dựng các chính sách về phát triển bền vững.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Phát triển bền vững với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO1.4	PLO2.4	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R	R			
CLO2			R		
CLO3				R	R

10- Học phần 10: Liên kết kinh tế vùng

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự hình thành vùng, vấn đề liên kết kinh tế những nội dung của liên vùng. Học phần được phân bố trong 5 chương. Chương 1 khái quát về các nội dung liên quan đến vùng kinh tế của mỗi quốc gia, nghiên cứu về sự hình thành thành và phát triển vùng. Chương 2 tìm hiểu sâu các vùng kinh tế của Việt Nam qua các giai đoạn phát triển. Chương 3 nghiên cứu về vấn đề lý luận của liên kết và liên kết vùng. Chương 4 nghiên cứu nội dung liên kết vùng và một số lý thuyết về liên kết vùng. Chương 5 nghiên cứu về vấn đề liên kết vùng ở Việt Nam.

Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Nắm vững được các vấn đề lý luận về vùng kinh tế, liên kết kinh tế, liên kết vùng, một số kinh nghiệm liên kết kinh tế và liên kết vùng ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ. Hiểu rõ thực trạng về tổ chức không gian và khả năng liên kết vùng ở Việt Nam	PLO1.1, PLO1.2
CO2	- Có năng lực phân tích tự nghiên cứu độc lập, tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến học phần và tư duy phân tích giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam; - Có kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan đến các nội dung về liên kết giữa các vùng trong phát triển kinh tế ở Việt Nam;	PLO2.2, PLO2.4

	-Nắm chắc được phương pháp luận và một số phương pháp cụ thể về xây dựng và hoạch định chính sách liên kết vùng phù hợp với điều kiện của mỗi vùng trong từng giai đoạn.	
CO3	-Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị về chính sách liên kết vùng cho phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương -Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển kinh tế xã hội ở các vùng, địa phương, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề của vùng ở từng địa phương và bảo vệ được cũng như chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn đó.	PLO3.4

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu rõ các vấn đề lý luận về vùng kinh tế, liên kết kinh tế và liên kết vùng, thực trạng về tổ chức không gian và khả năng liên kết vùng ở Việt Nam.
CLO2	Phân tích các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam
CLO3	Xử lý và phân tích thông tin liên quan đến các nội dung về liên kết giữa các vùng trong phát triển kinh tế ở Việt Nam
CLO4	Hiểu rõ các phương pháp luận và một số phương pháp cụ thể về xây dựng và hoạch định chính sách liên kết vùng phù hợp với điều kiện của mỗi vùng trong từng giai đoạn
CLO5	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị về chính sách liên kết vùng cho phát triển kinh tế ở các vùng, địa phương
CLO6	Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển kinh tế xã hội ở các vùng, địa phương

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần Liên kết kinh tế vùng đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

CDR học phần	CDR của CTĐT Kinh tế nông nghiệp				
	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.2	PLO2.4	PLO3.4
CLO1	R				
CLO2		M			
CLO3			M		
CLO4				M	
CLO5					R
CLO6					R

11- Học phần 11: Chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề chuyên sâu về chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Các lý thuyết cơ bản về biến đổi khí hậu và góc nhìn kinh tế về vấn đề này được giới thiệu trong chương 1. Các lý thuyết về kinh tế học biến đổi khí hậu và vai trò đối với hoạch định các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu được giới thiệu trong chương 2. Trong chương 3 và chương 4, học phần cung cấp các kiến thức về các chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu và các chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó cung cấp cho người học các công cụ phân tích kinh tế và chính sách. Chương 5 cung cấp cho người học các kiến thức thực tiễn về vấn đề chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần giúp cho học viên tiếp cận và vận dụng những lý thuyết, các nguyên lý kinh tế hiện đại, các kiến thức chuyên sâu và liên ngành để phân tích, đánh giá, xây dựng, và quản lý các vấn đề thực tiễn, chương trình, chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu	PLO 1.2 PLO 1.4
CO2	Sử dụng tốt các công cụ hiện đại trong phân tích, dự báo các biến động kinh tế - xã hội để đưa ra các giải	PLO 2.3

	pháp xử lý các vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu	
CO3	Hướng dẫn, giám sát, và quản lý việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu	PLO 3.3 PLO 3.4

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT
CLO1	Vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý kinh tế hiện đại để phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu	PLO1.2 (R)
CLO2	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào việc quản lý các vấn đề thực tiễn, chương trình, chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu	PLO1.4(M)
CLO3	Sử dụng tốt các công cụ hiện đại trong phân tích, dự báo các biến động kinh tế - xã hội để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp – nông thôn một cách khoa học.	PLO2.3 (R)
CLO4	Hướng dẫn, giám sát thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế nông thôn	PLO3.3 (M)
CLO5	Quản lý các hoạt động về lập kế hoạch, chuyển đổi mô hình kinh tế nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	PLO3.4 (M)

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần Chính sách kinh tế và biến đổi khí hậu đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO 1.2	PLO1.4	PLO2.3	PLO3.3	PLO3.4
CLO1	R				
CLO2		M			
CLO3			R		
CLO4				M	
CLO5					M

12- Học phần 12: Phát triển nền kinh tế số

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Phát triển nền kinh tế số thuộc khối kiến thức ngành nhằm giới thiệu cho học viên học viên những vấn đề chuyên sâu về kinh tế số, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế số tại Việt Nam và các bài học kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia khác nhau, trên cơ sở đó xây dựng được các kịch bản và lộ trình phát triển kinh tế số cho Việt Nam. Tổng quan về kinh tế Việt Nam, các khái niệm liên quan đến kinh tế số và tiền đề phát triển kinh tế số được đưa ra tại chuyên đề 1. Chuyên đề 2 tập chung vào sự dịch chuyển sang nền kinh tế số tại 5 thị trường ở Châu Á, trong đó có 2 nước phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc), và 3 nền kinh tế mới nổi (Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia). Các bài học kinh nghiệm cũng được đưa ra tại chuyên đề này. Chuyên đề 3 phân tích các xu hướng chuyển đổi số tại Việt Nam và mức độ nhận thức và sẵn sàng chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp và sản xuất chế tạo. Chuyên đề 4 và chuyên đề 5 phân tích các xu thế chủ đạo và các kịch bản phát triển kinh tế số tại Việt Nam

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Các lý thuyết, các nguyên lý kinh tế hiện đại để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn về nền kinh tế số	PLO1.2
CO2	Kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp ra quyết định trong lập kế hoạch, quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau.	PLO1.2, PLO1.4
CO3	Làm chủ được kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập trong các tổ chức kinh tế và cơ quan quản lý các cấp	PLO3.1
CO4	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy sáng tạo, khoa học; Khả năng tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp.	PLO3.1
CO5	Thích nghi, tự định hướng, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.	PLO3.1

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	+ Hiểu được vấn đề kinh tế số; các tiền đề và các chính sách hỗ trợ nền kinh tế số tại Việt Nam. + Hiểu được kinh nghiệm phát triển kinh tế số tại các nước phát triển và các nước đang phát triển, và đưa ra được các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
CLO2	+ Nắm được tình hình phát triển và các tiềm năng phát triển kinh tế số tại Việt Nam. + Nắm được các xu thế chủ đạo trong phát triển kinh tế số.
CLO3	+ Vận dụng được lý thuyết và thực tiễn để xây dựng các kịch bản phát triển kinh tế số tại Việt Nam
CLO4	- Có kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện để đưa ra các giải pháp cho phát triển kinh tế số tại Việt Nam.
CLO5	- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích thực trạng kinh tế số và xây dựng các chính sách để phát triển kinh tế số; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động liên quan đến phát triển kinh tế số.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Phát triển nền kinh tế số với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO1.4	PLO3.1
CLO1	R		
CLO2	R	R	
CLO3			R
CLO4			R
CLO5			R

13- Học phần 13: Quản lý dự án

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Quản lý dự án cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư xây dựng. Học phần giới thiệu tổng quan về các mô hình quản lý dự án, chủ thể quản lý dự án, lập kế hoạch dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng. Học viên được trang bị các kỹ năng lập, quản lý dự án các dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án: trình tự, nội dung lập dự án, tổ chức quản lý dự án.	PLO1.3
CO2	Kỹ năng lập và quản lý dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng	PLO2.2
CO3	Năng lực làm việc độc lập trong việc ra các quyết định quản lý; Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; tự thực hiện và giám sát thực hiện các chương trình, dự án.	PLO3.1; PLO3.3

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Nắm rõ trình tự, thủ tục, nội dung lập kế hoạch dự án; - Đánh giá được các mô hình tổ chức quản lý dự án; - Tổ chức quản lý dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng.
CLO2	Xây dựng kế hoạch dự án, tổ chức quản lý các dự án
CLO3	- Năng lực làm việc độc lập trong việc ra các quyết định quản lý - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Giám sát các cá nhân khác thực hiện lập và tổ chức quản lý dự án

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Quản lý dự án với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.3
CLO1	R			
CLO2		R		
CLO3			R	R

14-Học phần 14: Kinh tế đầu tư nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế đầu tư nâng cao cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế đầu tư, gồm: đầu tư và đầu tư phát triển; cơ sở khoa học xác định các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và

phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế; nguyên tắc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư, kế hoạch hóa đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên góc độ vĩ mô và vi mô.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế đầu tư	PLO1.2; PLO1.3
CO2	Có khả năng thuyết trình và truyền đạt các vấn đề, các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh tế đầu tư	PLO2.4
CO3	Phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; xây dựng được các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế xã hội	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Hiểu và vận dụng được những vấn đề lý luận chung về đầu tư, bản chất, nội dung của đầu tư và đầu tư phát triển. - Có các giải pháp để huy động các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư. - Ứng dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá các mô hình đầu tư, quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư; phân tích các chính sách cơ bản về quản lý hoạt động đầu tư. - Đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư ở góc độ nhà nước và doanh nghiệp.
CLO2	- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin khoa học trong lĩnh vực về kinh tế đầu tư. - Có kỹ năng thuyết trình trước đám đông. - Có kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp và phản biện trong công tác xây dựng các chính sách liên quan đến lĩnh vực về kinh tế đầu tư.
CLO3	- Làm các bài tập cá nhân, bài tập tình huống theo yêu cầu giảng viên. - Phối hợp và làm việc với nhiều thành viên nhóm. - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong phân tích và xây dựng các chính sách liên quan đến lĩnh vực về kinh tế đầu tư.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế đầu tư nâng cao với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO1.3	PLO2.4	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R	R			
CLO2			R		
CLO3				R	R

15-Học phần 15: Quản lý nhà nước về kinh tế

16- Học phần 16: Luật kinh tế

17- Học phần 17: Kinh tế lượng ứng dụng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế lượng ứng dụng thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên tiếp cận việc ước lượng mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng, đây là công cụ được sử dụng rất phổ biến hiện nay trong các nghiên cứu thực nghiệm về kinh tế.

Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần cung cấp kiến thức nâng cao và minh họa những ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phổ biến trong thực tế. Học viên được cung cấp các kỹ thuật hữu dụng khác trong kinh tế lượng như hồi qui hệ phương trình với các ứng dụng cho phân tích kinh tế vĩ mô có thể nghiên cứu các câu hỏi chính sách khác nhau. Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu luận văn thạc sĩ và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này.	PLO1.3
CO2	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày vấn đề nghiên cứu bằng văn bản, thuyết trình,... Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS, STATA để ước lượng mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định cũng như dự báo.	PLO2.2
CO3	Khả năng tự đánh giá, phân tích và đưa ra nhận định về vấn đề nghiên cứu	PLO3.1

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Định nghĩa được về phân tích hồi quy, mô hình hồi quy và các giả thiết của mô hình
CLO2	Vận dụng ước lượng và kiểm định các tham số của mô hình. Kiểm định mô hình.
CLO3	Áp dụng được mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng
CLO4	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm
CLO5	Có khả năng tư duy, phân tích với bộ số liệu

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần Kinh tế lượng ứng dụng đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO2.2	PLO3.1
CLO1	R		
CLO2	R		
CLO3		R	
CLO4			R
CLO5			R

18- Học phần 18: Phân tích dữ liệu kinh tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Phân tích dữ liệu kinh tế thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên về các loại số liệu thống kê phục vụ cho các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế xã hội, giúp học viên hiểu các vấn đề về nguồn và việc quản lý thông tin phục vụ nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Đây là học phần tiền đề giúp cho người học có thể tiếp cận với các nghiên cứu và đề tài cuối khoá của mình trong chương trình cao học và nó gắn chặt với các học phần khác như Phương pháp nghiên cứu khoa học, phân tích và dự báo kinh tế, kinh tế lượng ứng dụng

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các loại thông tin, cách thức thu thập thông tin, quản lý thông tin, hình thức biểu diễn, thể hiện của các thông tin nghiên cứu và các phương pháp phân tích thông tin	PLO1.2, PLO1.3 CTĐT KTPT
CO2	Biết sử dụng các phương pháp thu thập thông tin; các phần mềm trong việc xử lý và quản lý dữ liệu (Excel, SPSS). Biết được một số phương pháp phân tích định tính, phương pháp phân tích định lượng	PLO2.3 CTĐT KTPT
CO3	Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch và ra các quyết định về chuyên môn nghiệp vụ	PLO3.1, PLO3.2 CTĐT KTPT

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích dữ liệu kinh tế
CLO2	Vận dụng được các phương pháp thu thập thông tin (thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp) để xây dựng cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu
CLO3	Vận dụng được các phương pháp phân tích thông tin phù hợp trong các nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
CLO4	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm
CLO5	Phát hiện, xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Phân tích dữ liệu kinh tế với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO1.3	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R	R			
CLO2	R	R	R		
CLO3	R	R	R		
CLO4				R	R

CLO5				R	R
------	--	--	--	---	---

19-Học phần 19: Thống kê trong kinh tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Thống kê trong kinh tế thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên các phương pháp thống kê ứng dụng sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Giúp người học biết sử dụng các phần mềm trong việc xử lý dữ liệu (Excel, SPSS), hiểu và sử dụng được các kết quả cung cấp từ phần mềm đó. Bên cạnh đó giúp người học có kỹ năng dự báo, kỹ năng tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học phần cung cấp kiến thức giúp người học hiểu và vận dụng được các phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy luận; hiểu, vận dụng tính toán và phân tích được các chỉ tiêu trong thống kê kinh tế như: thống kê dân số và nguồn lao động, thống kê của cải quốc dân, thống kê thu chi ngân sách nhà nước, thống kê tiền tệ, tín dụng, các phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, các phương pháp đánh giá mức sống dân cư, đo lường nghèo...	PLO1.2, PLO1.3 CTĐT KTPT
CO2	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày vấn đề nghiên cứu bằng văn bản, thuyết trình,...Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS, STATA để ước lượng mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định cũng như dự báo.	PLO2.3 CTĐT KTPT
CO3	Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu	PLO3.1, PLO3.2 CTĐT KTPT

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Vận dụng được phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy diễn

CLO2	Phân tích được các chỉ tiêu trong thống kê kinh tế; đánh giá mức sống dân cư; đo lường nghèo
CLO3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm
CLO4	Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS trong xử lý số liệu
CLO5	Có khả năng tư duy phân tích với bộ số liệu

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Thống kê trong kinh tế với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.2	PLO1.3	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R	R			
CLO2	R	R	R		
CLO3	R	R	R		
CLO4				R	R
CLO5				R	R

20- Học phần 20: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là môn học trang bị cho người học kiến thức tổng quát về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bao gồm các cơ sở lý luận và các nội dung cơ bản trong quy hoạch, cung cấp cho sinh viên hành trang kiến thức cho công tác xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức về một số loại hình quy hoạch phát triển quan trọng như: quy hoạch phát triển không gian, quy hoạch phát triển ngành nhằm hướng dẫn chi tiết các nội dung, quy trình và phương pháp xây dựng quy hoạch phát triển.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Những lý luận về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; các nguồn lực cơ bản tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội; Các phương pháp xây dựng các quy hoạch thành phần trong hệ thống phát triển kinh tế - xã hội; Các kiến thức về quy hoạch phát triển không gian, quy hoạch phát triển ngành; Khả năng ứng dụng kiến thức môn học để tham gia xây dựng phương án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Khả năng phân tích mối	PLO1.3

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
	liên quan giữa sự phát triển các ngành, lĩnh vực với việc tổ chức lãnh thổ kinh tế xã hội.	
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề quy hoạch phát triển. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học trong công tác liên quan đến vấn đề quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	PLO2.2 PLO2.4
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	PLO3.1 PLO3.3

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu những lý luận về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; các nguồn lực cơ bản tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội; các phương pháp xây dựng các quy hoạch thành phần trong hệ thống phát triển kinh tế xã hội.
CLO2	Phân tích mối liên quan giữa sự phát triển các ngành, lĩnh vực với việc tổ chức lãnh thổ kinh tế xã hội; Vận dụng các kiến thức về quy hoạch phát triển không gian, quy hoạch phát triển ngành để tham gia xây dựng các phương án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
CLO3	Có những kỹ năng thảo luận, đóng góp, và phản biện đối với các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp quốc gia hoặc địa phương, vùng, ngành; kỹ năng dẫn dắt, tổ chức và quản lý hoạt động quy hoạch phát triển.
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và vận dụng các kiến thức về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH.
CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến quy hoạch phát triển.

Ma trận quan hệ giữa CĐR học phần Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với CĐR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO2.2	PLO2.4	PLO3.1	PLO3.3
CLO1	R				
CLO2	R	R			
CLO3			M		
CLO4			M	M	
CLO5					R

21- Học phần 21: Phát triển vùng và địa phương

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Phát triển vùng và địa phương là môn học về năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế nhìn từ góc độ kinh tế học vi mô. Môn học sẽ giúp học viên trả lời câu hỏi: Làm thế nào một đơn vị hay tổ chức (chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, các cụm ngành, hiệp hội ngành nghề v.v.) xây dựng năng lực cạnh tranh của một vùng hay địa phương để đạt được các mục tiêu phát triển của mình. Môn học được chia thành ba phần. Trong phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh. Trong phần II, học viên sẽ làm quen với một công cụ phân tích quan trọng – được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt – cụm ngành (industrial cluster). Phần III được dành để thảo luận về chiến lược kinh tế với các phạm vi khác nhau (quốc gia, vùng và địa phương) và cho các loại nền kinh tế khác nhau ứng với các trình độ phát triển khác nhau.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học viên phân tích và đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của một vùng, tỉnh hay thành phố; Học viên đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng phát triển và thách thức đối với các ngành kinh tế của một vùng, tỉnh hay thành phố; Áp dụng các mô hình và nguyên lý phát triển vùng và địa phương để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế cho một vùng, tỉnh hay thành phố ở Việt Nam.	PLO1.1; PLO1.2

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO2	Trang bị cho học viên cao học những kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện đối với các chương trình, chiến lược phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam.	PLO2.3
CO3	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển vùng và địa phương; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương. Mục tiêu của môn học là sau khi học xong học phần đạt chuẩn đầu ra số 1, 9, 11, 12.	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của một vùng, tỉnh hay thành phố; Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng phát triển và thách thức đối với các ngành kinh tế của một vùng, tỉnh hay thành phố.
CLO2	Áp dụng các mô hình và nguyên lý phát triển vùng và địa phương để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế.
CLO3	Tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện đối với các chương trình, chiến lược phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam.
CLO4	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển vùng và địa phương; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Phát triển vùng và địa phương với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
--	--------	--------	--------	--------	--------

CLO1	R				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				R	R

22- Học phần 22: Kinh tế và chính sách phát triển ngành

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan và chuyên sâu về các ngành kinh tế cũng như vai trò của các ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Ngành nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương lần lượt được giới thiệu trong các chương của môn học. Bên cạnh các lý thuyết cơ bản, môn học cung cấp cho người học các phương pháp đo lường mức độ phát triển của các ngành, các chính sách phát triển các ngành và các chiến lược phát triển. Các kiến thức thực tiễn về tình hình phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương ở Việt Nam cũng được giới thiệu nhằm cung cấp cho người học những lý thuyết thực tiễn để cùng với những phương pháp đã được học, họ có thể phân tích thực trạng phát triển và đề xuất những giải pháp và chính sách phát triển các ngành kinh tế tại các vùng, địa phương, thậm chí cấp quốc gia.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Nắm được những lý thuyết về các ngành kinh tế; Hiểu được đặc điểm, vai trò của các ngành kinh tế; vận dụng được các phương pháp đo lường mức độ phát triển ngành công nghiệp. Nắm được các chính sách, chiến lược phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương, nắm được những kiến thức thực tiễn phát triển các ngành kinh tế ở Việt Nam, từ đó dựa trên các kiến thức đã học có thể nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển các ngành ở các cấp, địa phương.	PLO1.3
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện trong công tác phân tích thực trạng phát triển kinh tế của các ngành, các chính sách phát triển các ngành.	PLO2.4
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích thực trạng các ngành kinh tế, các chính sách phát triển các ngành; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển ngành kinh tế.	PLO3.1

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Nắm được những lý thuyết về các ngành kinh tế; Hiểu được đặc điểm, vai trò của các ngành kinh tế; vận dụng được các phương pháp đo lường mức độ phát triển ngành công nghiệp.
CLO2	Nắm được các chính sách, chiến lược phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương.
CLO3	Nắm được những kiến thức thực tiễn phát triển các ngành kinh tế ở Việt Nam, từ đó dựa trên các kiến thức đã học có thể nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển các ngành ở các cấp, địa phương.
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện trong công tác phân tích thực trạng phát triển kinh tế của các ngành, các chính sách phát triển các ngành.
CLO5	Có khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích thực trạng các ngành kinh tế, các chính sách phát triển các ngành; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển ngành kinh tế.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế và chính sách phát triển ngành với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO2.4	PLO3.1
CLO1	R		
CLO2	R		
CLO3		R	
CLO4			R
CLO5			R

23- Học phần 23: Kinh tế và tài chính công

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Môn học tập trung vào các nội dung như giới thiệu và phân tích vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường, các lý thuyết lựa chọn công cộng. Cụ thể, giới thiệu các lý thuyết

tổng quan về chi tiêu công cộng, quy trình và cách thức quản lý chi tiêu công của Chính phủ. Môn học cũng làm rõ các nội dung cơ bản của đánh giá chi tiêu công cộng (PER), phân tích sâu các chương trình trợ cấp của Chính phủ về sức ảnh hưởng của các chương trình này tới những người hưởng lợi, đến động cơ làm việc cá nhân. Ngoài ra, môn học cung cấp công cụ trong công tác đánh giá dự án đầu tư công cộng, xác định lợi ích và chi phí công cộng trong các dự án đầu tư.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Các lý thuyết về lựa chọn công cộng, vận dụng vào thực tiễn trong việc ra quyết định; những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chi tiêu công cộng và quản lý chi tiêu công cộng, vận dụng trong công tác thực tiễn tại Việt Nam; các lý thuyết chuyên sâu về kinh tế và tài chính công trong việc ra các quyết định quản lý kinh tế và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	PLO1.3
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề kinh tế và tài chính công. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế và tài chính công.	PLO2.4
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến kinh tế và tài chính công.	PLO3.1 PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu được vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường cũng như các thất bại do tính phi hiệu quả của thị trường và sự can thiệp của Chính phủ;
CLO2	Nắm được các lý thuyết về lựa chọn công cộng, vận dụng vào thực tiễn trong việc ra quyết định, những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chi tiêu công cộng và quản lý chi tiêu công cộng, vận dụng trong công tác thực tiễn tại Việt Nam;
CLO3	Vận dụng các lý thuyết chuyên sâu về kinh tế và tài chính công trong việc ra các quyết định quản lý kinh tế và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
CLO4	Có những kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện trong công tác phân tích, đánh giá và quản lý chi tiêu công; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về chính sách kinh tế.

CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phân tích, đánh giá và quản lý chi tiêu công; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến chi tiêu công.
-------------	--

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế và tài chính công với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO2.4	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R			
CLO2	R			
CLO3	R			
CLO4		R	M	
CLO5				R

24- Học phần 24: Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội là một học phần khoa học kinh tế. Học phần này sẽ cung cấp những kiến thức nâng cao về xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; giúp người học có được khả năng, kỹ năng về xây dựng và đặc biệt là triển khai thực hiện các kế hoạch định hướng vĩ mô theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu của môn học trong quá trình tham gia xây dựng, thẩm định, hoạch định và quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	PLO1.1; PLO1.2
CO2	Trang bị cho học viên kiến thức về các quyết định quản lý liên quan đến hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phản biện	PLO2.3

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
	chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; kỹ năng lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tư vấn các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững; dự báo phát triển kinh tế xã hội,... trong các tổ chức cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức quản lý dự án. Giúp học viên nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; chủ động thích ứng với sự biến đổi trong quản lý quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội dự án, phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	
CO3	Hình thành niềm say mê về xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; tinh thần không ngừng học hỏi gắn lý thuyết vào thực tiễn và vị trí công tác của học viên. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; phát triển kỹ năng sử dụng và khai thác, xử lý tài liệu của ngành kinh tế phát triển có hiệu quả. Học phần cũng trang bị kiến thức chuyên ngành để học viên có thể lựa chọn những định hướng nghiên cứu phù hợp; xác định đề tài cho luận văn thạc sĩ ngành kinh tế phát triển. Mục tiêu của môn học là sau khi học xong học phần đạt chuẩn đầu ra số 1, 3, 4, 5, 7, 9, 11, 12, 13, 14 của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển.	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Hiểu và vận dụng được được các kiến thức chuyên sâu của môn học trong quá trình tham gia xây dựng, thẩm định, hoạch định và quản lý các chương trình

	và dự án phát triển kinh tế - xã hội; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
CLO2	Ra các quyết định quản lý liên quan đến hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phản biện chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; kỹ năng lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tư vấn các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững; dự báo phát triển kinh tế xã hội,... trong các tổ chức cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức quản lý dự án
CLO3	Nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; chủ động thích ứng với sự biến đổi trong quản lý quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội dự án, phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo
CLO4	Hình thành niềm say mê về xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; tinh thần không ngừng học hỏi gắn lý thuyết vào thực tiễn và vị trí công tác của học viên. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; phát triển kỹ năng sử dụng và khai thác, xử lý tài liệu của ngành kinh tế phát triển có hiệu quả. Học phần cũng trang bị kiến thức chuyên ngành để học viên có thể lựa chọn những định hướng nghiên cứu phù hợp; xác định đề tài cho luận văn thạc sĩ ngành kinh tế phát triển.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				M	M

25- Học phần 25: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Phát triển là nhu cầu tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới trước bối cảnh tồn tại trong hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Tất cả các quốc gia, các ngành, các lĩnh vực, các cá

nhân hay tổ chức đều đang nỗ lực phát triển kinh tế xã hội. Điều đó đòi hỏi sự tăng trưởng phát triển cả về lượng và chất. Để đạt được điều đó thì việc xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng. vấn đề này cần được nghiên cứu cụ thể để đạt được hiệu quả chiến lược cao nhất.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội là một học phần quan trọng của chuyên ngành kinh tế phát triển. Học phần nghiên cứu chiến lược nhằm đạt được sự phát triển kinh tế xã hội cao nhất.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chiến lược phát triển kinh tế xã hội và trang bị phương pháp tư duy mới để giúp cho học viên cao học chuyên ngành kinh tế phát triển, đặc biệt là các nhà kinh tế, các nhà quản lý có thêm kiến thức, tư duy vĩ mô về chiến lược, sách lược quan trọng có tính quyết định đến phát triển kinh tế xã hội và từ đó có những ý tưởng những quyết định chính xác hơn nhằm tạo ra hiệu quả kinh tế cao hơn.	PLO1.1; PLO1.2
CO2	Trang bị cho học viên cao học những kỹ năng để có thể đưa ra các quyết định, lựa chọn chiến lược, chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp giúp phát triển kỹ năng cần thiết của bản thân và đóng góp trong vấn đề xây dựng chiến lược có tính mới và đột phá.	PLO2.2
CO3	Phát triển khả năng tư duy và làm việc độc lập/ làm việc theo nhóm hiệu quả	PLO3.1; PLO3.3

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về phân bổ và sử dụng nguồn lực một cách hợp lý trong quá trình phát triển KTXH ở Việt Nam - Hiểu rõ về chiến lược PTKTXH Việt Nam - Hiểu rõ về chiến lược PTKTXH trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế

	- Nắm rõ những nội dung trong quản lý nhà nước về chiến lược PTKTXH
CLO2	- Có kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực chiến lược PTKTXH; - Ứng dụng thành thạo lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế. - Phân tích, lý giải có căn cứ khoa học các hiện tượng kinh tế và quản lý trong chiến lược PTKTXH
CLO3	- Nhận định đánh giá khái quát về chiến lược PTKTXH và đề xuất một cách có căn cứ khoa học về những giải pháp chiến lược PTKTXH cả nước cũng như của từng địa phương. - Có đủ năng lực thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chiến lược PTKTXH.

Ma trận quan hệ giữa CĐR học phần Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với CĐR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.4
CLO1	M	R			
CLO2			M		
CLO3				R	R

26- Học phần 26: Chính sách phát triển vùng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Mô tả học phần:

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế và chính sách phát triển vùng, được phân bố trong 5 chương.

Chương 1: Sự hình thành và phát triển vùng

Chương 2: Chiến lược và quy hoạch phát triển vùng

Chương 3: Chính sách phát triển vùng

Chương 4: Quản lý phát triển vùng

Chương 5: Chính sách phát triển vùng tại Việt Nam

Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Những kiến thức quan trọng về chính sách phát triển vùng. Người học có thể nắm được các kiến thức và sự vận dụng các lý thuyết chính sách phát triển vùng vào trong việc hoạch định, ban hành các chính sách phát triển vùng; Cung cấp cho người học các nội dung về chính sách phát triển vùng, quản lý phát triển vùng và vận dụng phân tích cụ thể tại Việt Nam. Cung cấp cho người học các phương pháp phân tích hệ thống, dự báo, cân đối liên ngành liên vùng, phân tích lợi ích chi phí và các phương pháp khác	PLO1.4
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề chính sách phát triển vùng. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, tổng hợp các nội dung vai trò phát triển vùng, từ đó đưa ra chính sách khả thi, phù hợp nhất. Rèn luyện kỹ năng đánh giá, nhìn nhận chính xác các những thuận lợi, khó khăn, hạn chế của chính sách trong phát triển vùng.	PLO2.1, PLO2.2
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt, phổ biến kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển vùng. Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn	PLO3.3; PLO3.4

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Chọn được các kiến thức chuyên sâu về chính sách phát triển vùng để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, về chính sách nhằm phát triển KTXH vùng.
CLO2	Phát triển được kiến thức chuyên sâu về chính sách phát triển vùng và kiến thức kinh tế phát triển có liên quan trong hoạch định, quản lý nhà nước trong xây dựng và ban hành chính sách, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội các vùng.
CLO3	Vận dụng tổng hợp những kiến thức cơ sở và chuyên sâu phân tích đánh giá, thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra các chương trình chính sách phát triển kinh tế vùng.
CLO4	Phân tích và tổng hợp các kiến thức hoạch định, xây dựng chính sách phát triển vùng, quản lý phát triển vùng;
CLO5	Tổng hợp, truyền đạt những kiến thức về chính sách phát triển vùng dựa trên các vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn.

Ma trận mức độ đáp ứng của CDR học phần Chính sách phát triển vùng đối với CDR CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.4	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.3	PLO3.4
CLO1	M				
CLO2		M			
CLO3			R		
CLO4				R	
CLO5					M

27- Học phần 27: Quản lý phát triển

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Quản lý phát triển là nhu cầu tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới trước bối cảnh tồn tại trong hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Tất cả các quốc gia, các ngành, các lĩnh vực, các cá nhân hay tổ chức đều đang nỗ lực quản lý nhằm hướng tới sự phát triển chung và hiệu quả nhất. Điều đó đòi hỏi sự tăng trưởng phát triển cả về lượng và chất. Để đạt được điều đó thì việc quản lý phát triển có vai trò đặc biệt quan trọng, vấn đề này cần được nghiên cứu cụ thể để đạt được hiệu quả quản lý cao nhất.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Nắm vững được các kiến thức liên quan đến quản lý kinh tế	PLO1.4, PLO2.2
CO2	Trang bị đủ năng lực nghiên cứu các vấn đề quản lý các dự án kinh tế với mục tiêu phát triển tầm vĩ mô.	PLO2.3
CO3	Phát triển khả năng tư duy và làm việc độc lập/ làm việc theo nhóm hiệu quả. Có thể độc lập thiết kế, điều hành, giám sát được chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội cấp vi mô và vĩ mô	PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	- Nắm rõ những nội dung trong quản lý kinh tế: Quy luật và nguyên tắc quản lý kinh tế; Công cụ quản lý kinh tế;

	- Hiểu rõ được những vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình phát triển; Hoạch định phát triển kinh tế tầm vĩ mô. - Hiểu các phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án phát triển phù hợp với từng vùng, thời điểm. - Đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về phân bổ và sử dụng nguồn lực một cách hợp lý trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam
CLO2	- Có kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực quản lý dự án phát triển kinh tế. - Ứng dụng thành thạo lý thuyết của quản lý kinh tế trong các vấn đề thực tế. - Phân tích, lý giải có căn cứ khoa học các hiện tượng kinh tế và quản lý kinh tế vùng miền, quốc gia
CLO3	- Nhận định đánh giá khái quát về quản lý các dự án kinh tế và đề xuất một cách có căn cứ khoa học về những giải pháp kinh tế, quản lý phát triển kinh tế cả nước cũng như của từng địa phương. - Có đủ năng lực thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý phát triển kinh tế.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Quản lý phát triển với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.4	PLO2.2	PLO2.3	PLO3.2
CLO1	M	R		
CLO2			M	
CLO3				R

28- Học phần 28: Phân tích chính sách kinh tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Phát triển vùng và địa phương là môn học về năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế nhìn từ góc độ kinh tế học vi mô. Môn học sẽ giúp học viên trả lời câu hỏi: Làm thế nào một đơn vị hay tổ chức (chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, các cụm ngành, hiệp hội ngành nghề v.v.) xây dựng năng lực cạnh tranh của một vùng hay địa phương để đạt được các mục tiêu phát triển của mình. Môn học được chia thành ba phần. Trong phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh. Trong phần II, học viên sẽ làm quen với một công cụ phân tích quan trọng – được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt – cụm ngành (industrial cluster). Phần III được dành để thảo luận về chiến lược kinh tế với các phạm vi

khác nhau (quốc gia, vùng và địa phương) và cho các loại nền kinh tế khác nhau ứng với các trình độ phát triển khác nhau.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Học viên phân tích và đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của một vùng, tỉnh hay thành phố; Học viên đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng phát triển và thách thức đối với các ngành kinh tế của một vùng, tỉnh hay thành phố; Áp dụng các mô hình và nguyên lý phát triển vùng và địa phương để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế cho một vùng, tỉnh hay thành phố ở Việt Nam.	PLO1.1; PLO1.2
CO2	Trang bị cho học viên cao học những kỹ năng để có thể tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện đối với các chương trình, chiến lược phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam.	PLO2.3
CO3	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển vùng và địa phương; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương. Mục tiêu của môn học là sau khi học xong học phần đạt chuẩn đầu ra số 1, 9, 11, 12.	PLO3.1; PLO3.2

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của một vùng, tỉnh hay thành phố; Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng phát triển và thách thức đối với các ngành kinh tế của một vùng, tỉnh hay thành phố.
CLO2	Áp dụng các mô hình và nguyên lý phát triển vùng và địa phương để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế.
CLO3	Tham gia thảo luận, đóng góp, và phản biện đối với các chương trình, chiến lược phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam.

CLO4	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển vùng và địa phương; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với điều kiện của từng vùng và địa phương; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương.
-------------	---

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Phân tích chính sách kinh tế với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.3	PLO3.1	PLO3.2
CLO1	R				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				R	R

29- Học phần 29: Kinh tế phát triển so sánh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6)

Giới thiệu tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế phát triển so sánh là học phần vừa có tính chất kinh tế, vừa mang tính chất xã hội nhằm cung cấp cho học viên theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kinh tế phát triển theo định hướng ứng dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển so sánh, học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao liên quan đến 3 nội dung lớn: 1) Những vấn đề chung về kinh tế phát triển so sánh ; 2) So sánh các nền kinh tế trong hệ thống kinh tế thế giới; 3) Sự liên kết các nền kinh tế trong hệ thống kinh tế thế giới và những vấn đề của hệ thống kinh tế thế giới hiện nay.

Giới thiệu mục tiêu học phần (Course objectives)

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
CO1	Những vấn đề chung về kinh tế phát triển so sánh bao gồm giới thiệu hệ thống kinh tế thế giới; các nền kinh tế và xu thế vận động của các nền kinh tế; Tiêu chí, phương pháp so sánh, đánh giá các nền kinh tế. So sánh các nền kinh tế trong hệ thống kinh tế thế giới: nội dung chủ yếu nhằm phân tích sự phát triển của các nền kinh tế, xu thế vận động, so sánh các mô hình khác nhau trong phát triển kinh tế của từng nền kinh tế. Sự liên kết các nền kinh tế trong hệ thống kinh tế thế giới và những vấn đề của hệ thống kinh tế thế giới hiện nay. Nội dung chính là so sánh các mô hình, các hình thức, các tổ chức liên	PLO1.3 PLO1.4

Mục tiêu (COs)	Mô tả <i>Học phần này trang bị cho học viên:</i>	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
	kết kinh tế trên thế giới; những vấn đề đặt ra cho hệ thống kinh tế hiện nay.	
CO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề phát triển kinh tế. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của các nền kinh tế tiêu biểu để vận dụng vào các nước đang phát triển.	PLO2.4
CO3	Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển so sánh	PLO3.1

Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes - CLOs)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
CLO1	Phân loại hệ thống kinh tế; đánh giá, so sánh giữa các nền kinh tế trong quá trình phát triển nói chung và quá trình vận động, phát triển kinh tế của Việt Nam. phát hiện, xác định vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế;
CLO2	Có khả năng trợ giúp việc ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, đặc biệt là đối với các quyết định liên quan đến hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.
CLO3	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
CLO4	Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển kinh tế xã hội, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề của kinh tế phát triển và bảo vệ được cũng như chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn đó.

Ma trận quan hệ giữa CDR học phần Kinh tế phát triển so sánh với CDR CTĐT

(Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)

Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)

Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)

	PLO1.3	PLO1.4	PLO2.4	PLO3.1
--	--------	--------	--------	--------

CLO1	M			
CLO2		M		
CLO3			M	
CLO4				M

7.4. Đề cương chi tiết các học phần (chi tiết tại Phụ lục 2)

7.5. Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về các học phần được rà soát và điều chỉnh (chi tiết tại Phụ lục 3)

8. Phương pháp giảng dạy – học tập

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp người học đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 13.

Bảng 13: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học

Chiến lược và phương pháp dạy – học	CĐR CTĐT Kinh tế phát triển														
	PLO1					PLO2						PLO3			
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
I. Phương pháp dạy học trực tiếp															
1.1. Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x			x	x	x		x	x	x
1.2. Thuyết giảng															
1.3. Tham luận															
II. Dạy học gián tiếp															
2.1. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x			x	x	x		x	x	x
2.2. Giải quyết vấn đề															
2.3. Học theo tình huống															

III. Học trải nghiệm Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác															
4.1. Tranh luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4.2. Thảo luận															
4.3. Học nhóm															
V. Tự học Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x

9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm

9.1. Phương pháp đánh giá

Bảng 14: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp dạy - học	CDR CTĐT Kinh tế phát triển															
	PLO1					PLO2						PLO3				
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	
I. Đánh giá tiến trình																
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

4. Đánh giá làm việc nhóm	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết/định kỳ															
1. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
2. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x		x			x	x		x			
3. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x		x		x	x	x				x	x	x	
4. Báo cáo				x	x				x	x	x	x	x	x	x

9.2. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học Kinh tế và QTKD sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá người học như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

10. Tổ chức thực hiện

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2022 cho học viên ngành Kinh tế phát triển

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết và thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu và đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật 2 (hai) năm một lần, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Thái Nguyên, tháng ... năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tiến Long

Phụ lục 1: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh

Phụ lục 2: Đề cương chi tiết các học phần

Phụ lục 3: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về các học phần được rà soát và điều chỉnh

